

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TGTH5+TGTH4	7:25	13+5+4	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
2		AMD+TTCl+P3	9:25	12+10+0	0+0+0		4+13+4	0+0+0	
3		P5+P4+CLO	11:25	0+18+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 P5- P4
4		T.UNG	12:25	19	0		19	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:AMD - TGTH5 - TGTH4	CREW: LINH - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3726	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	46	1	7	2	30	74	NAM LONG	Vietnamese
2	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	39-40	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	45	1	2			65	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN AN	AMD	42	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	38	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HIỆU	AMD	44	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	41	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	43	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	34	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	33	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THỤ	AMD	37	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THUẬN	AMD	35-36	2	11			71	HLJOC	Vietnamese
13	LÊ TRUNG HIỆU	AMD	60	1	10			84	NAM LONG	Vietnamese
14	TRẦN MINH KIÊN	TGTH5	29	1	7	2	35	68	HLJOC	Vietnamese
15	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	32-33	2	12			66	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI THANH THẢO	TGTH5	34	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	30	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH PHÚC ẨM	TGTH5	31	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG MINH HẢI	TGTH4	55	1	10	1	20	73	HLJOC	Vietnamese
20	LÊ THANH DANH	TGTH4	53-54	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH4	49-50	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	51-52	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	13	928	15	91	2	30	12		
2	TGTH5	5	348	6	44	2	35	4		
3	TGTH4	4	270	7	40	1	20	6		
TOTAL		22	1.546	28	175	5	85	22		
WEIGHT KG			1.546		175		85			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MẠNH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: AMD - TTC1 - P3	CREW: LINH - M.ĐỨC - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3727	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VĂN CÔNG THUY	AMD	96-97	2	10	2	30	64	NAM LONG	Vietnamese
2	HUYNH CÔNG CHIÊN	AMD	92	1	10			88	NAM LONG	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC TÂM	AMD	90	1	6			63	NAM LONG	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HAI	AMD	98	1	7			65	NAM LONG	Vietnamese
5	LÊ VĂN SANG	AMD	99	1	6			67	NAM LONG	Vietnamese
6	VŨ NGỌC DƯƠNG	AMD	88	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠ MẠNH HÙNG	AMD	500	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH TÙNG	AMD	93	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THAO	AMD	89	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	91	1	4			54	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH SỰ	AMD	94	1	5			61	PSV	Vietnamese
12	TẶNG XUÂN HAI	AMD	95	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG MINH	TTC1	72	1	12	2	30	92	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHA	TTC1	57-58	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÀ	TTC1	54	1	10	1	16	61	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THOONG	TTC1	59	1	13	1	14	58	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐẠO	TTC1	56	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THANH ANH	TTC1	61-63	3	16			67	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN LINH	TTC1	64-66	3	13			59	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI HỒNG SANG	TTC1	69	1	15			92	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VĂN VƯỢNG	TTC1	70-71	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN KHA	TTC1	67	1	9	1	15	69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	12	787	13	82	2	30	4		
2	TTC1	10	697	16	140	5	75	13		
3	P3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.484	29	222	7	105	21		
WEIGHT KG			1.484		222		105			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

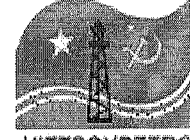
ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 26/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P5 - P4 - CLO	CREW: QVIỆT - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3728	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN NAM AN	P4	29	1	9	5	90	59	CAO ĐẰNG	Vietnamese
2	NGÔ GIA THỤY	P4	20-21	2	15			70	CAO ĐẰNG	Vietnamese
3	HỒ QUANG TOÀN	P4	26-27	2	17			64	CAO ĐẰNG	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P4	16-17	2	12	2	8	79	CAO ĐẰNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	P4	33	1	6			77	CAO ĐẰNG	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG THƯƠNG	P4	39-40	2	13			73	CAO ĐẰNG	Vietnamese
7	CAO VĂN QUYẾT	P4	22-23	2	15			85	CAO ĐẰNG	Vietnamese
8	LÊ CỬ THỀ	P4	24-25	2	15			79	CAO ĐẰNG	Vietnamese
9	LÊ ĐĂNG CHUNG	P4	30-31	2	14			82	CAO ĐẰNG	Vietnamese
10	MAI ĐÌNH HAI	P4	44-45	2	15			70	CAO ĐẰNG	Vietnamese
11	VU VĂN AT	P4	38	1	10			82	CAO ĐẰNG	Vietnamese
12	PHẠM VĂN VŨ	P4	28	1	10			77	CAO ĐẰNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN GIANG	P4	32	1	9			70	CAO ĐẰNG	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU THỌ	P4	36-37	2	16			77	CAO ĐẰNG	Vietnamese
15	LÊ HỮU CHINH	P4	43	1	8			86	CAO ĐẰNG	Vietnamese
16	LÊ QUANG TUẤN	P4	35	1	7			80	CAO ĐẰNG	Vietnamese
17	NGUYỄN HẢI ANH	P4	42	1	10			81	CAO ĐẰNG	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN LỊCH	P4	34	1	10			73	CAO ĐẰNG	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG THĂNG	P4	41	1	7			86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	0	0	0	0	1	7	0 + 2	CHUYEN 2 PAX P5-P4	
2	P4	19	1.450	28	218	7	98	0		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		19	1.450	28	218	8	105	22		
WEIGHT KG			1.450		218		105			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: CAM-3	TO:T.UNG	CREW: HLONG - VLINH	ETA: 15:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3719	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PEREKRESTOV P.V	T.UNG	58	1	6			103	D-HANH	Russian
2	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG	63	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔ MINH DƯƠNG	T.UNG	70	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VŨ QUYÊN	T.UNG	67	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRONG SON	T.UNG	72	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	68	1	8	2	34	72	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	66	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOAN	T.UNG	64	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BINH	T.UNG	71	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	65	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG						61	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG						69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THANG	T.UNG	73	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUẢN	T.UNG	61	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THANH TRUNG	T.UNG	62	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN VU	T.UNG	59	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NOVIKOV A.	T.UNG	60	1	6			99	ANTOAN	Russian
18	NGUYEN HOANG TUNG	T.UNG	74	1	6			65	GETRACO	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐỨC ĐÔNG	T.UNG	69	1	7			81	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	19	1.369	17	117	2	34	19		
	TOTAL	19	1.369	17	117	2	34	19		
	WEIGHT KG		1.369		117		34			

GRAND TOAL: 1.520 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐINH HOÀNG LONG

TRỊNH VINH LINH

